TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **168**/2020/QĐST - HNGĐ	*Nông Cống, ngày 10 tháng 11 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 257/2020/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Bùi Đình H, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị H1, sinh năm 1986

ĐKNKTT: Thôn 1, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Số nhà 88 SM - xã V - huyện Đ - Hà Nội

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Đình H và chị Trần Thị H1**.**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Đình H và chị Trần Thị H1**.**

2.2. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự:

Giao cháu Bùi Minh K, sinh ngày 01/02/2018 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị H1 có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Về tài sản chung: Anh Bùi Đình H và chị Trần Thị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Anh Bùi Đình H phải chịu 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu tiền số AA/2019/0002199 ngày 12 tháng 10 năm 2020. Trả lại cho anh H 150.000 tiền tạm ứng án phí anh đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nông Cống;
- THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã Tế Nông;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Kỳ Anh